

Số: 1938/BC-SGTVT

Đắk Nông, ngày 20 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2019

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông Vận tải Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019;

Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Nông công khai số liệu (chi tiết tại biểu số 03 đính kèm) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước của Sở Giao thông Vận tải 6 tháng đầu năm 2019, cụ thể:

1. Thu, chi nộp NSNN phí, lệ phí và thu khác:

* Tình hình thực hiện dự toán nguồn thu phí, lệ phí: Số được trích để lại 6 tháng đầu năm 2019 thực hiện 721 triệu đồng/ 932 triệu đồng đạt 77% dự toán.

* Thu khác (thu Quản lý dự án) thực hiện 122,5 triệu đồng/994 triệu đồng đạt 12.32% dự toán.

2. Dự toán chi Ngân sách nhà nước:

Dự toán chi ngân sách nhà nước giao năm 2019 là 11.116 triệu đồng. Trong đó: kinh phí phân bổ cho đơn vị là 11.100 triệu đồng; kinh phí trích 1% chi thường xuyên theo định mức để chuyển về Quỹ khen thưởng tỉnh là 16 triệu đồng. Số kinh phí chưa thực hiện phân bổ: 366 triệu đồng (Bao gồm: kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương: 366 triệu đồng).

Dự toán đã sử dụng 6 tháng đầu năm là: 3.243 triệu đồng/11.100 đồng đạt 29% so với dự toán. Trong đó:

- Kinh phí quản lý hành chính thực hiện chế độ tự chủ thực hiện 2.569 triệu đồng/6.037 triệu đồng đạt 42.5% dự toán;

- Kinh phí quản lý hành chính không thực hiện chế độ tự chủ thực hiện 37,5 triệu đồng/1.055 triệu đồng đạt 3.5% dự toán;
- Kinh phí đào tạo thực hiện 10 triệu đồng/50 triệu đồng đạt 20% dự toán;
- Kinh phí chi sự nghiệp giao thông ngân sách tỉnh thực hiện 625 triệu đồng/1.358 triệu đồng đạt 46% dự toán.
- Kinh phí chi sự nghiệp giao thông ngân sách tỉnh không tự chủ thực hiện 1,7 triệu đồng/3.000 triệu đồng đạt 0.05% dự toán.

3. Dự toán thu, chi Quỹ bảo trì đường bộ:

Kinh phí bảo trì đường bộ Trung ương 6 tháng đầu năm 2019 giải ngân 15.694 triệu đồng/73.289 triệu đồng đạt 21.4% dự toán.

Kinh phí bảo trì đường bộ địa phương thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 là 3.401 triệu đồng/8.272 triệu đồng đạt 41.96% dự toán.

Nhìn chung, tình hình thực hiện dự toán năm 2019, dự toán chi ngân sách nhà nước cấp thực hiện đạt 100% so với dự toán giao đầu năm, riêng phần thu phí và lệ phí sẽ giảm so với dự toán được giao đầu năm 2019 và giảm hơn so với 6 tháng đầu năm 2018. Vì số lượng người thi và cấp, đổi GPLX giảm so với cùng kỳ năm trước; Nguồn phí để lại cho đơn vị năm 2019 cũng giảm hơn so với năm 2018 là do việc chuyển đổi sát hạch lái xe mô tô tập trung vào các Trung tâm sát hạch đủ điều kiện tiêu chuẩn của Bộ Giao thông Vận tải nên phải trích lại 80% phí sát hạch mô tô cho các Trung tâm sát hạch. Việc cấp đổi GPLX cũng tập trung tại Trung tâm Hành chính công do đó phải trích lại 5% trên nguồn thu phí được để lại cho Trung tâm hành chính công nên cũng ảnh hưởng đến nguồn thu để lại của đơn vị giảm đi so với năm 2018.

Nguồn thu Quản lý dự án năm 2019 giảm so với 2018 do Sở Giao thông Vận tải chỉ quản lý các công trình Bảo trì đường bộ nên cũng giảm dự toán Nguồn thu Quản lý dự án trích lại cho Sở.

Trên đây, là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2019 của Sở Giao thông vận tải./.

Nơi nhận:

- GD, Phó GD Sở;
- Các phòng, Ban thuộc Sở GTVT;
- Công khai trang Web Sở GTVT;
- Lưu VT, KH-TC(Ng).

GIÁM ĐỐC

Võ Văn Hùng

Đơn vị: Sở Giao thông Vận tải Đắk Nông

Chương: 421

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số : 1938./BC-SGTVT Ngày 28 tháng 8 năm 2019)

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh %	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách nhà nước phí, lệ phí, thu khác				
1	Số thu phí, lệ phí, Thu sự nghiệp	5.530.000.000	993.915.667	17,97	
1.1	Lệ phí	3.000.000.000	0	0,00	
	Lệ phí cấp GPLX	3.000.000.000		0,00	
1.2	Phí	2.530.000.000	0	0,00	
	Phí sát hạch ô tô	1.530.000.000		0,00	
	Phí sát hạch mô tô	900.000.000		0,00	
	Phí thẩm định công trình	100.000.000		0,00	
1.3	Thu sự nghiệp	993.915.667	993.915.667	100,0	
	Thu QLDA	993.915.667	993.915.667	100,0	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại và thu sự nghiệp	1.925.915.667	843.500.000	43,80	
2.1	Chi sự nghiệp	993.915.667	122.500.000	12,32	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	993.915.667	122.500.000	12,32	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	932.000.000	721.000.000	77,36	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	932.000.000	721.000.000	77,36	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.516.000.000	2.944.000.000	25,56	
1	Chi quản lý hành chính (L340-K341)	7.092.000.000	2.569.000.000	36,22	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.037.000.000	2.569.000.000	42,55	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.055.000.000	375.000.000	35,55	
2	Chi sự nghiệp kinh tế (L280-K338)	4.358.000.000	297.450.000	6,83	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.358.000.000	625.000.000	46,02	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.000.000.000	1.700.000	0,06	
3	Sự nghiệp đào tạo	50.000.000	10.000.000	20,00	
	Thực hiện trích 1% CTX theo định mức để chuyển về Quỹ khen thưởng tỉnh	16.000.000		0,00	
III	Dự toán chưa phân bổ:	366.000.000		0,00	
1	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương	366.000.000		0,00	
IV	Dự toán quỹ bảo trì đường bộ	81.560.982.000	19.095.717.000	23,41	
1	Kinh phí bảo trì đường bộ TW	73.289.000.000	15.694.154.000	21,41	
2	Kinh phí bảo trì đường bộ địa phương	8.271.982.000	3.401.563.000	41,12	
V	Các quỹ	546.275.878	0	0,0	
1	Quỹ khen thưởng	57.983.852		0,0	
2	Quỹ ổn định thu nhập	250.000.000		0,0	
3	Quỹ phúc lợi	238.292.026		0,0	